

tuyển dụng ở ngay địa phương, trừ những người tạm tuyển ít ngày, khi có việc thì làm khi không có việc thì nghỉ.

Về mức trợ cấp, vẫn thi hành như quy định của thông tư số 12-LĐ/TT. Riêng trong đoạn b trước có điểm quy định được trợ cấp 60 ngày lương nay sửa lại là được trợ cấp 2 tháng lương kể cả phụ cấp khu vực. Nếu lương ngày thì tính:

$$2 \times 25,5 \text{ ngày} = 51 \text{ ngày.}$$

VI. VẤN ĐỀ ĂN Ở TẠI CÔNG TRƯỜNG

Theo thông tư số 12-LĐ/TT các chế độ cung cấp, tổ chức đời sống tập thể chỉ áp dụng cho những người ở trong biên chế và những người ở ngoài biên chế tuyển từ phương xa đến, và không áp dụng cho người địa phương, trừ nước uống và bao chi.

Nay bổ sung như sau:

Các chế độ cung cấp, tổ chức đời sống tập thể trên công trường chủ yếu là áp dụng cho cán bộ, công nhân, viên chức trong biên chế và những người ở ngoài biên chế tuyển từ phương xa đến. Nhưng đối với những anh chị em tuy là người địa phương, nếu đường đi về khá xa, trở ngại, mất nhiều thời giờ, ảnh hưởng đến sức khỏe và năng suất lao động, thì công trường sẽ tùy tình hình cụ thể, hoặc tổ chức nơi ăn nghỉ trưa cho anh chị em, hoặc tổ chức nơi ăn ở tại chỗ cho anh chị em như đối với những người tuyển từ nơi xa đến. (Việc tổ chức ăn bữa trưa tại công trường nên gọn gàng, công trường cho mượn nồi, xoong, bát đĩa, để anh chị em tự thối lấy).

Vấn đề này công trường cần nghiên cứu kỹ, nắm sát tình hình những anh chị em người địa phương để giải quyết cho thích đáng, tránh hai thiên hướng: hoặc có người nhà ở xa, đi về không tiện mà không được ăn ở tại công trường, hoặc giải quyết tràn lan, người ở gần công trường cũng được ở lại công trường, làm nặng nề công việc quản trị và gây lãng phí cho công quỹ.

Đối với những trường hợp hai vợ chồng cùng làm việc ở công trường và có đủ tiêu chuẩn để ở tập thể thì công trường cố gắng bố trí chỗ ở riêng cho họ.

Công trường cũng cần bố trí một số gian nhà riêng để đón tiếp gia đình (vợ hoặc chồng) đến thăm anh chị em.

Phạm vi thi hành của thông tư này vẫn theo phạm vi đã quy định tại chương XII thông tư số 12-LĐ/TT ngày 12-5-1958.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày ban hành. Những quy định trước trái với thông tư này đều bãi bỏ.

Đề thi hành tốt thông tư này, Ban chỉ huy công trường cần thảo luận với cấp ủy và công đoàn trong mọi trường hợp để áp dụng cho đúng.

Hà nội, ngày 31 tháng 10 năm 1959

Bộ trưởng Bộ Lao động

NGUYỄN VĂN TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 36-TC/CĐKT ngày 21-9-1959 quy định hạch toán kế toán lao động xã hội chủ nghĩa ở các công trường kiến thiết cơ bản.

Hiện nay ở các công trường kiến thiết cơ bản nhân dân tham gia lao động xã hội chủ nghĩa ngày càng nhiều (bao gồm cả bộ đội, cán bộ, học sinh). Việc tham gia lao động này tiết kiệm cho công quỹ một số tiền lớn, góp phần vào việc tích lũy vốn cho Nhà nước.

Tuy công trường không phải trả tiền cho lao động xã hội chủ nghĩa nhưng, về giá thành, công trường phải thống kê khối lượng lao động mà nhân dân đã đóng góp và không lấy tiền, tính ra tiền để có giá trị toàn bộ của công trình xây dựng hay xây lắp, có phân tích phần giá thành do Ngân sách Nhà nước đài thọ và phần giá thành do nhân dân đóng góp.

Xi nghiệp sản xuất hay kinh doanh, khi tiếp nhận công trình đã xây dựng hay xây lắp xong, sẽ hạch toán công trình này trong sổ sách của mình theo giá trị toàn bộ của nó và, căn cứ vào giá trị toàn bộ này, tính khoản khấu hao mà hàng tháng phải hạch toán vào giá thành sản xuất hay kinh doanh để thu về cho ngân sách Nhà nước số vốn mà ngân sách đã xuất ra và giá trị khối lượng lao động xã hội chủ nghĩa mà nhân dân đã đóng góp vào công cuộc kiến thiết đất nước.

Dưới đây quy định phương pháp hạch toán những số tiền tiết kiệm được do sử dụng lao động xã hội chủ nghĩa và giá trị khối lượng lao động xã hội chủ nghĩa tính vào giá thành công trình kiến thiết cơ bản:

I. GIAI ĐOẠN THI CÔNG

1. Trong kế hoạch thu chi tài vụ và hạn mức cấp phát của đơn vị kiến thiết chưa trừ lao động xã hội chủ nghĩa.

a) Nếu là công trình tự làm, hàng tháng đơn vị kiến thiết phải thống kê khối lượng lao động xã hội chủ nghĩa và tính ra tiền. Số tiền tính ra là khoản tiết kiệm được, phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Cuối tháng khi lập báo cáo công trình hoàn thành phải ghi trong báo cáo này giá trị toàn bộ của công trình hoàn thành, có phân tích:

— Phần giá thành công trình chi bằng khoản cấp phát của Ngân sách,

— Giá trị khối lượng lao động xã hội chủ nghĩa sử dụng.

Sẽ hạch toán giá trị khối lượng lao động xã hội chủ nghĩa sử dụng (khoản tiết kiệm) như sau:

Nợ 202 Mua sắm và công trình kiến thiết cơ bản trong kế hoạch Nhà nước chưa hoàn thành (tiểu khoản 202.0 hoặc 202.1)

Có 093 Thanh toán với ngân sách (tiểu khoản 093.3) (nếu áp dụng chế độ kế toán kiến thiết cơ bản phức tạp)

hoặc 216A Khoản thu khác về kiến thiết cơ bản (tiểu khoản 216A.0) (nếu áp dụng chế độ kế toán kiến thiết cơ bản đơn giản).

Khi nộp vào Kho bạc Nhà nước khoản tiết kiệm sẽ hạch toán như sau:

Nợ 093 Thanh toán với ngân sách (tiểu khoản 093.3) hoặc 216A Khoản thu khác về kiến thiết cơ bản (tiểu khoản 216A.0).

Có 215 Khoản cấp phát kiến thiết cơ bản do ngân sách cấp.

Nếu hàng tháng đã nộp khoản tiết kiệm nói trên, khi toàn bộ công trình đã hoàn thành mà vẫn còn thừa hạn mức cấp phát, số còn thừa này là số lãi đã thực hiện được, đơn vị kiến thiết phải nộp vào ngân sách Nhà nước và hạch toán như đã quy định trong chế độ kế toán kiến thiết cơ bản.

b) Nếu là công trình cho thầu, hàng tháng xí nghiệp xây lắp (xí nghiệp bao thầu) phải thống kê khối lượng lao động xã hội chủ nghĩa sử dụng và tính ra tiền. Báo cáo công trình hoàn thành lập cuối tháng phải có các chi tiết dưới đây:

— Giá thành công trình hoàn thành (giá dự toán)

— Giá trị khối lượng lao động xã hội chủ nghĩa sử dụng (khoản tiết kiệm phải nộp vào ngân sách Nhà nước).

— Số tiền phải trả về công trình hoàn thành.

Khi đơn vị kiến thiết đã thỏa thuận về các con số ghi trong báo cáo này thì gửi một bản cho Chi

hàng kiến thiết để Chi hàng cấp phát: trả cho xí nghiệp xây lắp và nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đơn vị kiến thiết sẽ dựa vào báo cáo này để hạch toán.

Sẽ ghi sổ như sau:

Nợ 202 Mua sắm và công trình kiến thiết cơ bản trong kế hoạch Nhà nước chưa hoàn thành (tiểu khoản 202.0 hoặc 202.1)

Có 087 Khoản tiền công trình phải trả cho người nhận thầu

093 Thanh toán với ngân sách (tiểu khoản 093.3)

Sẽ ghi Nợ vào tài khoản 202 giá thành công trình hoàn thành; ghi Có vào tài khoản 087 số tiền còn phải trả về công trình hoàn thành và ghi Có vào tài khoản 093 giá trị khối lượng lao động xã hội chủ nghĩa sử dụng (khoản tiết kiệm phải nộp vào ngân sách Nhà nước).

2. Trong kế hoạch thu chi tài vụ và hạn mức cấp phát của đơn vị kiến thiết đã trừ lao động xã hội chủ nghĩa.

Hàng tháng đơn vị kiến thiết (nếu là công trình tự làm) hoặc xí nghiệp xây lắp (nếu là công trình cho thầu) phải thống kê khối lượng lao động xã hội chủ nghĩa sử dụng trong tháng và tính ra tiền rồi ghi trong báo cáo công trình hoàn thành lập ngày cuối tháng. Đơn vị kiến thiết sẽ căn cứ vào báo cáo này để hạch toán như sau:

Nợ 202 Mua sắm và công trình kiến thiết cơ bản trong kế hoạch Nhà nước chưa hoàn thành (tiểu khoản 202.0 hoặc 202.1)

Có 217 Khoản cấp phát về kiến thiết cơ bản do các nguồn vốn khác cấp (tiểu khoản 217.6)

Đối với công trình tự làm, khi toàn bộ công trình đã hoàn thành nếu vẫn còn thừa hạn mức cấp phát, số còn thừa này là số lãi đã thực hiện được, đơn vị kiến thiết phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

II. GIAI ĐOẠN BÀN GIAO CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH GIỮA ĐƠN VỊ KIẾN THIẾT VÀ ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

Khi bàn giao công trình hoàn thành cho đơn vị sử dụng, đơn vị kiến thiết phải căn cứ vào các báo cáo công trình hoàn thành do mình đã lập hay do xí nghiệp xây lắp đã lập hàng tháng để lập biên bản bàn giao. Trong biên bản bàn giao này phải ghi giá trị toàn bộ của công trình bàn giao, có phân tích:

— Phần giá thành (tổng số phí tổn) chi bằng khoản cấp phát của ngân sách.

— Giá trị khối lượng lao động xã hội chủ nghĩa đã sử dụng.

Căn cứ vào biên bản bàn giao này đơn vị kiến thiết sẽ hạch toán giá trị toàn bộ của công trình

bản giao như đã quy định trong chế độ kế toán kiến thiết cơ bản, cụ thể:

Nợ 201 Mua sắm và công trình kiến thiết cơ bản trong kế hoạch Nhà nước đã hoàn thành.

Có 202 Mua sắm và công trình kiến thiết cơ bản trong kế hoạch Nhà nước chưa hoàn thành.

Sẽ ghi trong sổ phân loại chi tiết của tài khoản 201 (sẽ nói ở dưới) giá trị khối lượng lao động xã hội chủ nghĩa sử dụng của công trình bản giao.

Khi báo cáo quyết toán năm trước hoặc báo cáo quyết toán toàn bộ công trình hoàn thành đã được duyệt y đơn vị kiến thiết sẽ chuyển tiêu như sau số dư nợ tài khoản 201 vào bên nợ các tài khoản 215 và 217:

Nợ 215 Khoản cấp phát về kiến thiết cơ bản do ngân sách cấp (tiểu khoản 215.0 « Năm trước » hoặc 215.1 « Năm nay »).

217 Khoản cấp phát về kiến thiết cơ bản do các nguồn vốn khác cấp (tiểu khoản 217.6).

Có 201 Mua sắm và công trình kiến thiết cơ bản trong kế hoạch Nhà nước đã hoàn thành.

Nếu là báo cáo quyết toán năm trước con số ghi nợ vào tài khoản 215 (tiểu khoản 215.0) là số cộng ngày 31-12 năm trước của cột « phần giá thành chi bằng khoản cấp phát của ngân sách » trong sổ phân loại chi tiết của tài khoản 201 và con số ghi nợ vào tài khoản 217 (tiểu khoản 217.6) là số cộng ngày 31-12 năm trước của cột « giá trị khối lượng lao động xã hội chủ nghĩa sử dụng » trong sổ phân loại chi tiết này.

Nếu là báo cáo quyết toán toàn bộ công trình hoàn thành con số ghi nợ vào tài khoản 215 (tiểu khoản 215.1) là số cộng ngày cuối cùng của cột « phần giá thành chi bằng khoản cấp phát của ngân sách » và con số ghi nợ vào tài khoản 217 (tiểu khoản 217.6) là số cộng ngày cuối cùng của cột « giá trị khối lượng lao động xã hội chủ nghĩa sử dụng » trong sổ phân loại chi tiết nói trên (con số của cột này phải đúng với số dư có ngày cuối cùng của tiểu khoản 217.6).

Chú ý: Nếu trong năm đã có toán tự chuyển tiêu nói ở trên (Nợ 215 và 217, Có 201) thì trong sổ phân loại chi tiết của tài khoản 201 phải trừ vào số cộng của hai cột ấy con số chuyển tiêu.

III. BỔ SUNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ GIẢI THÍCH VỀ MÁY ĐIỀU

1. Bổ sung chế độ kế toán.

Đề hạch toán như đã quy định trong thông tư này trong chế độ kế toán kiến thiết cơ bản bổ sung như sau:

— *Tài khoản 093 « Thanh toán với ngân sách »* (chế độ kế toán kiến thiết cơ bản* phức tạp).— Mở thêm tiểu khoản 093.3 « Lao động xã hội chủ nghĩa » để hạch toán các số tiền tiết kiệm được phải nộp vào ngân sách Nhà nước do sử dụng lao động xã hội chủ nghĩa.

— *Tài khoản 216.A « Khoản thu nhập khác về kiến thiết cơ bản »* (chế độ kế toán kiến thiết cơ bản đơn giản).— Mở tiểu khoản 216A.0 « Lao động xã hội chủ nghĩa » để hạch toán các số tiền tiết kiệm được phải nộp vào ngân sách Nhà nước do sử dụng lao động xã hội chủ nghĩa.

— *Tài khoản 217 « Khoản cấp phát về kiến thiết cơ bản do các nguồn vốn khác cấp »* (chế độ kế toán kiến thiết cơ bản phức tạp và đơn giản).— Mở thêm tiểu khoản 217.6 « Lao động xã hội chủ nghĩa » để phản ánh nguồn vốn thể hiện bằng lao động xã hội chủ nghĩa.

2. Sổ sách.

— Mở sổ phân loại chi tiết cho tài khoản 201 trong sổ này phải có:

— Cột ghi « phần giá thành công trình (tổng số phi tồn) chi bằng khoản cấp phát của ngân sách »

— Cột ghi « giá trị khối lượng lao động xã hội chủ nghĩa sử dụng »

— Cột « Cộng » (tổng hợp 2 cột trên).

— Trong sổ phân loại chi tiết của tiểu khoản 202.0 « Công trình xây dựng » và của tiểu khoản 202.1 « Công trình lắp thiết bị » cũng phải có thêm cột ghi « giá trị khối lượng lao động xã hội chủ nghĩa sử dụng », và cột « Cộng » tổng hợp tổng số phi tồn chi bằng khoản cấp phát của ngân sách với giá trị khối lượng lao động xã hội chủ nghĩa sử dụng.

3. Thống kê lao động xã hội chủ nghĩa.

Khi thống kê khối lượng lao động xã hội chủ nghĩa sử dụng phải chú ý thống kê theo hạng mục công trình hay theo công trình đơn vị (tùy theo yêu cầu của lãnh đạo) của mỗi loại công trình (công trình xây dựng hay công trình lắp thiết bị) để khi lập báo cáo công trình có thể ghi giá trị khối lượng lao động xã hội chủ nghĩa sử dụng theo hạng mục công trình hay công trình đơn vị và theo loại công trình.

Thông tư này áp dụng đối với tất cả các công trình kiến thiết cơ bản đang tiến hành. Trong khi

thi hành nếu gặp mắc mứu khó khăn gì đề nghị các Bộ chủ quản xí nghiệp trực tiếp với Bộ Tài chính đề cùng nghiên cứu giải quyết.

Hà nội, ngày 21 tháng 9 năm 1959

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thư trưởng

TRINH VĂN BÌNH

THÔNG TƯ số 41-TC/NN ngày 3 tháng 11 năm 1959 giải thích những quy định mới của nghị định số 375-TTg của Thủ tướng phủ về thuế nông nghiệp đối với hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Kính gửi: Ủy ban Hành chính các khu, tỉnh, thành phố,

Nghị định số 375-TTg ngày 15-10-1959 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định các biện pháp tính thuế, thu thuế và miễn giảm thuế nông nghiệp đối với các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Thông tư này giải thích tinh thần của những quy định mới để Ủy ban dựa vào đó lãnh đạo cán bộ và nhân dân thi hành cho đúng chủ trương mới của Đảng và Chính phủ.

1. Về ý nghĩa và mục đích của việc quy định những biện pháp mới.

a) Trước tình hình phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ngày càng mở rộng, biện pháp thu thuế nông nghiệp đối với hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo chế độ hiện hành không còn thích hợp nữa. Quan hệ sản xuất trong hợp tác xã là quan hệ tập thể, nửa xã hội chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, nhưng biện pháp thu thuế lại dựa vào cơ sở sản xuất cá thể, cho nên không thể hiện được đầy đủ tính chất công bằng hợp lý của chính sách thuế nông nghiệp, không khuyến khích được phong trào hợp tác hóa nông nghiệp.

Nông thôn miền Bắc đang tiếp tục biến đổi, nông dân đang đi dần vào con đường làm ăn tập thể, hợp tác xã cấp thấp cũng mới thành lập và chưa thu hút được đa số người ở nông thôn, hợp tác xã cấp cao còn chiếm một tỷ lệ rất nhỏ trong phong trào hợp tác hóa.

Trong những điều kiện như vậy, không thể duy trì biện pháp thu thuế hiện hành đối với hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nhưng vì tình hình đang

chuyển biến nên chưa đặt vấn đề thay đổi ngay toàn bộ chính sách thuế nông nghiệp. Trong giai đoạn quá độ, từ nay cho đến khi nông thôn miền Bắc hoàn thành hợp tác hóa, cách giải quyết hợp lý nhất là định biện pháp thu thuế nông nghiệp đối với hợp tác xã trên cơ sở chính sách và chế độ thuế nông nghiệp hiện hành. Như vậy vừa tránh được sự thay đổi đột ngột trong việc đóng góp của nông dân vừa làm cho chính sách thuế nông nghiệp phù hợp với yêu cầu phục vụ hợp tác hóa nông nghiệp trong giai đoạn hiện tại.

b) Căn cứ vào tính chất kinh doanh, phân phối và hưởng thụ trong hợp tác xã, chính sách thuế nông nghiệp đối với hợp tác xã nhằm quy định nhiệm vụ đóng góp của hợp tác xã và của xã viên cho phù hợp với tính chất và mức độ thu nhập của đôi bên trên nguyên tắc vừa công bằng vừa phù hợp với điều kiện sản xuất mới.

Tinh thần của bản quy định mới là không làm cho người nông dân lo ngại về đóng góp khi gia nhập hợp tác xã. Trái lại, biện pháp thu thuế phải có tác dụng khuyến khích nông dân cá thể hăng hái gia nhập hợp tác xã với tất cả tâm trí, sức lực và tư liệu sản xuất của mình, yên tâm phấn khởi, vững bước theo con đường làm ăn tập thể từ thấp lên cao. Mặt khác chế độ thuế nông nghiệp đối với hợp tác xã phải đáp ứng được yêu cầu khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, phải tạo thêm điều kiện để thúc đẩy người nông dân hăng hái lao động, tránh gây tâm lý ỷ lại vào Nhà nước, vào hợp tác xã, lơ là công việc sản xuất.

Trong lúc nhu cầu chi tiêu cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày càng lớn thì số thu về thuế nông nghiệp lại mỗi ngày một giảm do sản lượng đã được ổn định và nhân khẩu mỗi năm một tăng thêm, cho nên chính sách thuế nông nghiệp một mặt phải chiếu cố hợp tác xã, nhưng mặt khác phải đảm bảo nguồn thu tài chính, không để ảnh hưởng nhiều đến ngân sách Nhà nước.

Tóm lại, các biện pháp tính thuế, thu thuế, miễn giảm thuế nông nghiệp đối với hợp tác xã sản xuất nông nghiệp phải phù hợp với tình hình mới, giải quyết đúng mức quan hệ giữa lợi ích của quần chúng nông dân xã viên với lợi ích hợp tác xã, giữa lợi ích hợp tác xã với lợi ích Nhà nước, góp phần đẩy mạnh cải tạo quan hệ sản xuất ở nông thôn, phát triển kinh tế nông nghiệp ở miền Bắc nước ta.

2. Về một số điểm trong nghị định.

a) Theo tinh thần của bản nghị định mới, hợp tác xã là một đơn vị sản xuất quản lý kinh doanh thống nhất, thu hoạch và phân phối thống nhất cho nên hợp tác xã cũng là đơn vị nộp thuế cho Nhà nước. Do đó, mặc dù căn bản vẫn giữ nguyên